

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-03-2026

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Kim Ba và Lương Thị Hoàng Kim

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Quốc Mang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nèng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 418/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Yên Đ, sinh năm: 1992; nơi cư trú: tổ F, ấp V, xã V, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Bị đơn: Ông Châu M, sinh năm 1986; nơi cư trú: số nhà B, khóm X, phường T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yên Đ trình bày, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Bà Đ và ông M là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67/2024 ngày 08/8/2024 ngày tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc; về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không hòa hợp trong hôn nhân. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: có 01 con đứa chung tên Châu Sô C, sinh ngày 25/4/2025, đang chung sống với bà Đ; khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; không có nợ chung.

2. Bị đơn ông **Chau M** trình bày:

Về hôn nhân: Bà **Đ** và ông **M** là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc; về sau xảy ra mâu thuẫn do bà **Đ** không còn chung thủy, có tình cảm bên ngoài. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không hòa hợp để tiếp tục chung sống với nhau nên ông **M** chấp nhận yêu cầu ly hôn với bà **Đ**.

Về con chung: có 01 con chung tên **Chau Sô C**, sinh ngày 25/4/2025, đang chung sống với bà **Đ**; khi ly hôn, ông **M** có nguyện vọng xin quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; không có nợ chung.

Ngày 11/03/2026, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn bà **Đ** vắng mặt (có đơn xin vắng mặt); bị đơn ông **M** vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 2, không có lý do và không ai giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Yên Đ** được ly hôn với ông **Chau M**.

Về con chung: giao chung tên **Chau Sô Chia T**, sinh ngày 25/4/2025 cho bà **Huỳnh Thị Yên Đ** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **Chau M** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại phường T, tỉnh An Giang thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án Khu vực 14 - An Giang. Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yên Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông M vắng mặt lần 2 mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn bà Đ và bị đơn ông M được xác lập vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo lời trình bày của bà Đ, ông M đều xác định hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh không khắc phục được, nguyên đơn bà Đ xin ly hôn, bị đơn ông M đồng ý nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân là trầm trọng, không thể hàn gắn để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được quy định ở Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên nguyên đơn bà Đ khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: ông M và bà Đ có 01 con chung tên Châu Sô Chia T, sinh ngày 25/4/2025, hiện do bà Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Đ và ông M đều có nguyện vọng xin được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn ông Chau M không chứng minh được bà Đ là người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con dưới 36 tháng tuổi được hướng dẫn tại mục 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không có cơ sở giao con chung tên Chau S Chia Ta (11 tháng tuổi) cho cha là ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà

cần giao con chung cháu **C** Ta cho bà **Đ** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông **Chau M** không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà **Đ** không yêu cầu, bị đơn ông **M** không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; về quan hệ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà **Huỳnh Thị Yên Đ** là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn ông **Chau M** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Yên Đ**.

Về quan hệ hôn nhân: bà **Huỳnh Thị Yên Đ** được ly hôn với ông **Chau M**.

Về con chung: giao con chung tên **Chau Sô Chia T**, sinh ngày 25/4/2025 cho bà **Huỳnh Thị Yên Đ** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bà **Huỳnh Thị Yên Đ** là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **Chau M** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên theo yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: Bà **Huỳnh Thị Yên Đ** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011676 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và văn thư.

Châu Nam Phú